

QUYẾT ĐỊNH

Công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGGĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công khai tranh hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Về việc phê duyệt số lượng đối tượng, kinh phí hỗ trợ chi phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên cấp phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của hội đồng nhân dân Tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Hoàng Bồ. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
HOÀNG BỒ
Nguyễn Thị Định

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THPT Hoàn Kiếm
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số: 153/QĐ-THPTHB ngày 03/11/2024 của trường THPT Hoàn Kiếm)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
2	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	527
I	Nguồn ngân sách trong nước	527
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	527
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	527
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 1523 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt số lượng đối tượng, kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên cấp phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2024 – 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NĐ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025-2026; Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2024 - 2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học phí của các cơ sở giáo dục;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng đối tượng, kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên cấp phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2024 – 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, gồm:

1. Hỗ trợ học phí cho 55.497 đối tượng là trẻ em, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên cấp phổ thông tại các cơ sở giáo dục công lập, tự thực trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh, tổng số kinh phí hỗ trợ: 21.310.700.000 đồng;

2. Hỗ trợ học phí cho 440 đối tượng là học sinh phổ thông đang học tại trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Thực hành Sư phạm thuộc trường Đại học Hạ Long, tổng kinh phí hỗ trợ là: 128.740.000 đồng.

Điều 2. Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Thực hành Sư phạm thuộc trường Đại học Hạ Long tổ chức thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin trong danh sách đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ của đơn vị phụ trách theo quy định; Chịu trách nhiệm nếu để hình thành lợi ích nhóm, trục lợi chính sách và để xảy ra sai phạm dẫn đến thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm kiểm tra kết quả thực hiện hỗ trợ học phí của các đơn vị đối tượng thụ hưởng đảm bảo chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Thực hành Sư phạm thuộc trường Đại học Hạ Long, các đối tượng thụ hưởng tại các cơ sở giáo dục có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

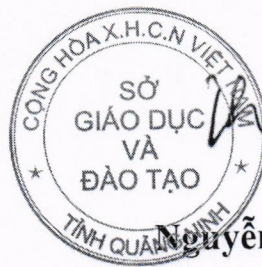
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

Ký bởi: Bùi Thị Thu Hà

Ký bởi: Lê Thị Phương

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục: Phê duyệt số lượng đối tượng, kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ I Năm học 2024 - 2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng đối tượng hưởng hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
I	Cơ sở giáo dục Tư thục	21.908			8.953.800.000	
1	Trường THCS - THPT Chu Văn An	1.203	4	125.000	601.500.000	
		2	3	125.000	750.000	
2	Trường TH, THCS và THPT Đoàn Thị Điểm	6	3	60.000	1.080.000	
		4	1	60.000	240.000	
		606	4	60.000	145.440.000	
		2	1	125.000	250.000	
		749	4	125.000	374.500.000	
3	Trường THPT Hạ Long	643	4	125.000	321.500.000	
		10	1	125.000	1.250.000	
4	Trường THPT Hồng Đức	1.181	4	125.000	590.500.000	
5	Trường THPT Hùng Vương	1.091	4	125.000	545.500.000	
		1	3	125.000	375.000	
6	Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	506	4	60.000	121.440.000	
		1.421	4	125.000	710.500.000	
7	Trường THPT Lương Thế Vinh	1.813	4	125.000	906.500.000	
		2	1	125.000	250.000	
8	Trường THPT Ngô Gia Tự	604	4	50.000	120.800.000	
9	Trường THPT Nguyễn Bình	799	4	50.000	159.800.000	
		1.785	4	60.000	428.400.000	
10	Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm	1	3	60.000	180.000	
		1.862	4	125.000	931.000.000	
		2	3	125.000	750.000	
11	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	562	4	125.000	281.000.000	
12	Trường THPT Nguyễn Trãi	278	4	50.000	55.600.000	
13	Trường liên cấp Quốc tế Singapore	63	4	125.000	31.500.000	
		125	4	60.000	30.000.000	
14	Trường THPT Thống Nhất	154	4	50.000	30.800.000	
		34	4	60.000	8.160.000	
15	Trường TH, THCS và THPT Trần Hưng Đạo	147	4	125.000	73.500.000	
		1.099	4	125.000	549.500.000	
16	Trường THPT Trần Nhân Tông	1	3	125.000	375.000	
17	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	547	4	125.000	273.500.000	
		242	4	60.000	58.080.000	
18	Trường Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Song ngữ Học viện Anh Quốc UK - Academy	3	1	60.000	180.000	
		2	3	60.000	360.000	
		67	4	125.000	33.500.000	
19	Trường TH,THCS và THPT Văn Lang	1.482	4	60.000	355.680.000	
		866	4	125.000	433.000.000	
		2	3	60.000	360.000	
20	Trường TH,THCS và THPT Yên Hưng	369	4	60.000	88.560.000	
		3	1	60.000	180.000	
		1	3	60.000	180.000	
		972	4	125.000	486.000.000	
21	Trường THPT Nguyễn Du	273	4	50.000	54.600.000	
22	Trường TH, THCS, THPT Marie Curie	57	4	60.000	13.680.000	
		266	4	125.000	133.000.000	
II	Cơ sở giáo dục Công lập	33.589			12.356.900.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng đối tượng hưởng hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
1	Trường THPT Ba Chẽ	656	4	20.000	52.480.000	
2	Trường THPT Bạch Đằng	1.239	4	125.000	619.500.000	
3	Trường THPT Bãi Cháy	1.434	4	125.000	717.000.000	
4	Trường THPT Bình Liêu	572	4	20.000	45.760.000	
5	Trường THPT Cẩm Phả	1.618	4	125.000	809.000.000	
6	Trường THPT Chuyên Hạ Long	1.344	4	125.000	672.000.000	
		3	1	125.000	375.000	
7	Trường THPT Cô Tô	241	4	50.000	48.200.000	
8	Trường THPT Cửa Ông	643	4	125.000	321.500.000	
9	Trường THPT Đầm Hà	1.006	4	20.000	80.480.000	
10	Trường THPT Đông Thành	821	4	125.000	410.500.000	
11	Trường THPT Đông Triều	1	1	125.000	125.000	
		1.242	4	125.000	621.000.000	
12	Trường THCS và THPT Đường Hoa Cương	353	4	30.000	42.360.000	
		384	4	50.000	76.800.000	
13	Trường THPT Hải Đảo	1.225	4	50.000	245.000.000	
14	Trường THPT Hải Đông	476	4	15.000	28.560.000	
		397	4	20.000	31.760.000	
15	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	887	4	125.000	443.500.000	
16	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	1	3	125.000	375.000	
		1	1	125.000	125.000	
		1.163	4	125.000	581.500.000	
17	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	789	4	125.000	394.500.000	
18	Trường THPT Hoành Bồ	1.054	4	125.000	527.000.000	
19	Trường THCS và THPT Hoành Mô	358	4	15.000	21.480.000	
		1	3	20.000	60.000	
		334	4	20.000	26.720.000	
20	Trường THPT Hòn Gai	1.657	4	125.000	828.500.000	
		304	4	60.000	72.960.000	
21	Trường THPT Lê Chân	985	4	50.000	197.000.000	
22	Trường THPT Lê Hồng Phong	670	4	125.000	335.000.000	
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	803	4	125.000	401.500.000	
24	Trường THPT Lý Thường Kiệt	657	4	50.000	131.400.000	
25	Trường THPT Minh Hà	1.190	4	50.000	238.000.000	
26	Trường THPT Mông Dương	652	4	125.000	326.000.000	
27	Trường THPT Ngô Quyền	1.016	4	125.000	508.000.000	
28	Trường THCS và THPT Quan Lạn	263	4	30.000	31.560.000	
		228	4	50.000	45.600.000	
29	Trường THPT Quảng Hà	1.071	4	50.000	214.200.000	
30	Trường THCS và THPT Quảng La	254	4	15.000	15.240.000	
		1	1	20.000	20.000	
		382	4	20.000	30.560.000	
31	Trường THCS và THPT Tiên Yên	615	4	30.000	73.800.000	
		697	4	50.000	139.400.000	
32	Trường THPT Trần Phú	1.470	4	125.000	735.000.000	
33	Trung tâm HN&GDTX tỉnh	133	4	125.000	66.500.000	
34	Trường THPT Uông Bí	1.511	4	125.000	755.500.000	
35	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	787	4	125.000	393.500.000	
III	Trường TH, THCS và THPT Thực hành Sư phạm (Đại học Hạ Long)	351	4	60.000	84.240.000	
		89	4	125.000	44.500.000	